

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 22/01/2019.  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà Trịnh Thị Mai Hương.**

**2. Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp TN, xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông Đặng Bé T, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TN, xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2018 bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Bà T xây dựng gia đình với ông T vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau khi kết hôn bà T và ông T chung sống tại ấp TN, xã BT, huyện XM. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T và ông T bất đồng quan điểm, ông T không lo làm ăn nên hai vợ chồng hay cãi vã, ông T có những lời lẽ xúc phạm bà T. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, bà T và ông T đã ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi. Từ giữa năm 2017 đến nay bà

Tvà ông T sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Tyêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Tvà ông T có 01 con chung tên Đặng Anh T, sinh ngày 16/01/2005. Hiện cháu T đang sống với bà Trang. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông Đặng Bé T đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên Tòa ông T đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Đặng Bé T, đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Đặng Bé T có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông Đặng Bé T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T xây dựng gia đình vào năm 2005 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (**Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 ngày 01/3/2005** tại UBND xã BT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà T và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà T và ông T bất đồng quan điểm, ông T

không lo làm ăn nên hai vợ chồng hay cãi vã, ông T có những lời lẽ xúc phạm bà T. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, bà T và ông T đã ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi.

Xét lời trình bày của bà T phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Xét yêu cầu của bà T cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà T và ông T phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc nhưng từ giữa năm 2017 đến nay bà T và ông T ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Sau khi bà T gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông T vắng mặt không lý do, không thể hiện có thiện chí hòa giải.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà T và ông T thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T.

[3] Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung tên Đặng Anh T, sinh ngày 16/01/2005. Hiện cháu T đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà T cho thấy từ khi bà T nộp đơn cho đến nay, ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi dưỡng con chung. Qua xem xét ý kiến của con chung là cháu T cho thấy cháu có nguyện vọng ở với bà T, nên Tòa án căn cứ vào thực tế và các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung, giao cháu T cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của bà T nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều đối với ông Đặng Bé T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với ông Đặng Bé T.

2. Về con chung: Bà T và ông T có 01 con chung tên Đặng Anh T, sinh ngày 16/01/2005. Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Bé T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con

chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tkhông yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004552 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã BT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thảo**